

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THANH NÔ

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật

Mã số : 62 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: GS, TS. Trần Ngọc Đường

Phản biện 1:.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

Phản biện 3:.....

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2014

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian (TPVHNTDG) là “thức ăn” tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống đã qua, hiện tại và tương lai. Chính vì vậy, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ Năm khoá VIII đã khẳng định: cần phải coi trọng, bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả vật thể và phi vật thể - đó chính là di sản văn hóa (trong đó có TPVHNTDG).

TPVHNTDG cần phải được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ một cách hợp pháp và bình đẳng như các tác phẩm văn học nghệ thuật khác. Bằng Hiến pháp và pháp luật, Nhà nước tuyên bố bảo vệ, khuyến khích việc giữ gìn, phát huy những giá trị của di sản văn hóa nói chung và của TPVHNTDG nói riêng. Với các TPVHNTDG, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tác giả đối với chúng - một loại chủ thể đặc biệt - là vô cùng quan trọng.

Những quy định trong Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ đã phát huy tác dụng tích cực trong hoạt động bảo hộ quyền tác giả, khuyến khích việc sáng tạo ra các giá trị văn học, nghệ thuật và khoa học phục vụ nhu cầu xã hội. Nhìn chung, trong xã hội bắt đầu có một cách nhìn nghiêm túc và khoa học hơn về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả, cả về phía các tác giả, cơ quan bảo hộ tác giả cũng như từ phía các công dân. Nhiều người đã ý thức được việc tự bảo vệ bằng cách đăng ký xin bảo hộ tại cơ quan bảo hộ quyền tác giả. Một số hành vi vi phạm quyền tác giả trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về văn hóa và thông tin đã bị phát hiện và xử lý. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm của người khác đã bắt đầu thực hiện nghĩa vụ tôn trọng các quyền của tác giả.

Tuy nhiên, pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT) đối với TPVHNTDG nói riêng chưa được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và đồng bộ. Nhiều hành vi vi phạm pháp luật về QSHTT ngày càng tinh vi và phức tạp, thậm chí có lúc tỏ ra hết sức trắng trợn, diễn ra ở nhiều công đoạn trong lĩnh vực này. Những hành vi đó đã và đang xâm hại nghiêm trọng tới quyền của các tác giả, làm ảnh hưởng tiêu cực tới việc sáng tạo, gây bất bình trong dư luận xã hội... Riêng đối với TPVHNTDG, việc sử dụng loại hình này hiện nay hết sức tùy tiện, mạnh ai cứ khai thác, bất chấp các quy định pháp luật.

Nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng của vấn đề này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thẳng thắn đánh giá: “Quyền sở hữu trí tuệ chưa được coi trọng đúng mức và còn bị xâm phạm”. Do đó, Đảng nhấn

manh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh “nâng cao ý thức chấp hành và hiệu lực thực thi tốt pháp luật về sở hữu trí tuệ”.

Bảo đảm thực hiện một cách nghiêm chỉnh, toàn diện và đồng bộ pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam là một yêu cầu tất yếu khách quan xuất phát từ định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chủ trương hội nhập quốc tế, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian cần phải được thực hiện đầy đủ và đúng đắn để ngăn ngừa và đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm đã và đang diễn ra, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian, bảo đảm môi trường xã hội và môi trường pháp lý thuận lợi cho cộng đồng được thụ hưởng những giá trị tinh thần và nhân văn cao đẹp đã kết tinh trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.

Là một người công tác tại Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, với nhận thức nói trên, nghiên cứu sinh thực sự thấy rõ trách nhiệm của mình và hết sức mong muốn góp phần giải quyết một vấn đề hiện đang rất cần thiết và bức xúc trong công tác quản lý và thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với TPVHNTDG, nên đã chọn đề tài: ***“Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Đề tài có mục đích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay; xác định các quan điểm và giải pháp bảo đảm sao cho pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm chỉnh và đồng bộ, thông qua đó góp phần lưu giữ, bảo vệ và phát huy những giá trị cao quý của TPVHNTDG trong tiến trình xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để thực hiện mục đích nói trên, đề tài có các nhiệm vụ sau:

Một là: Phân tích nội hàm khái niệm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; phân tích đặc điểm của thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; làm rõ vai trò của thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; phân tích các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; Rút ra một số bài học kinh nghiệm từ việc nghiên cứu thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở một số nước trên thế giới.

Hai là: Phân tích những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; làm rõ kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam thời gian qua, đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế và bất cập đó.

Ba là: Xác định các quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ nghiên cứu thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG từ năm 2006 khi có Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) được ban hành đến nay.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Việc nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, những luận điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với VHNTDG và bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, luận án có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp hệ thống, phương pháp lô gích, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh và phương pháp tổng hợp.

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1. Về phương diện lý luận

- Lần đầu tiên luận án xây dựng khái niệm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; làm rõ đặc điểm, hình thức, vai trò và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG;

- Từ pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia và thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG của một số nước, luận án đã rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với nước ta.

5.2. Về phương diện thực tiễn

- Luận án là công trình đầu tiên làm rõ thực trạng pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, phân tích những kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập, nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam thời gian qua.

- Luận án luận chứng các quan điểm, đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

Luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam, là tài liệu để các cơ quan Nhà nước có liên quan tham khảo, ban hành các văn bản pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay.

Luận án cung cấp luận cứ khoa học cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội giáo dục nâng cao ý thức pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam.

Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các đơn vị, bộ, ngành có liên quan trong việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy, nhất là trong lĩnh vực VHNTDG và bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Ở Việt Nam hiện nay, đã có các công trình nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ, ngành, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các loại sách chuyên khảo về VHNTDG, về QSHTT, về thực hiện pháp luật trong một số lĩnh vực.

- Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến VHNTDG chủ yếu đi sâu vào các lĩnh vực như diện mạo văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam, sử thi - thể loại quan trọng của văn học dân gian, một số thành tố văn hóa dân gian, đề cập đến vai trò của VHNTDG, nhưng chưa khái quát được vai trò, đặc thù của TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay.

- Liên quan đến thực hiện pháp luật về quyền tác giả đã nêu khái niệm, đặc điểm của thực hiện pháp luật về quyền tác giả, phân tích thực trạng pháp luật về quyền tác giả, thực trạng thực hiện pháp luật về quyền bảo hộ quyền tác giả, chỉ ra các yêu cầu khách quan của việc đảm bảo thực hiện pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam trong điều kiện mở cửa hội nhập hiện nay và đề xuất bảy giải pháp cơ bản đảm bảo thực hiện pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam.

- Nhóm công trình về QSHTT đối với TPVHNTDG đã đề cập những đặc trưng của văn học nghệ thuật dân gian, thực trạng về QSHTT đối với văn hoá dân gian, một vài kinh nghiệm và kiến nghị.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC

Một số công trình đã xuất bản ở ngoài nước đã làm rõ một số vấn đề lý luận về quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan: khái niệm, vai trò và ý nghĩa của hệ thống quản lý tập thể, việc cấp phép, thu và phân phối tiền bản quyền ở các nhóm quyền khác nhau, sự giám sát của chính phủ, chương trình hợp tác phát triển của WIPO; một số vấn đề lý luận về VHNTDG như: khái niệm kiến thức người nghèo/tri thức dân gian/tri thức cổ truyền (tương đồng với văn hoá văn nghệ dân gian/với TPVHNTDG, vai trò của tri thức dân gian/kiến thức người nghèo trong đời sống đương đại, giá trị của “kiến thức người nghèo”. Một số công trình đã phân tích pháp luật trên thế giới về QSHTT đối với TPVHNTDG (văn hoá truyền thống); khái niệm, các lựa chọn về luật pháp và chính sách bảo hộ pháp lý tri thức truyền thống; định hướng tư vấn và thảo luận liên quan đến khả năng xây dựng hệ thống pháp luật của Việt Nam về tri thức truyền thống, trong đó bao hàm TPVHNTDG; vai trò của các QSHTT hiện có, các mô hình hệ thống QSHTT riêng, và từng quyền riêng biệt, cũng như bảo hộ mang tính bảo vệ chống lại các QSHTT bất hợp pháp, và các hình thức lưu giữ tư liệu, ghi âm và số hóa tri thức truyền thống thông qua các số liệu thống kê, cơ sở dữ liệu, xuất bản phẩm và các bản ghi hình và ghi âm.

Đây là tài liệu rất hữu ích, có ý nghĩa trong nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở nước ta hiện nay nói riêng.

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Từ việc nghiên cứu, khái quát các công trình nghiên cứu nêu trên cho thấy nhìn chung các công trình đã đề cập đến một số khía cạnh khác nhau của thực hiện pháp luật trong một số lĩnh vực. Chẳng hạn: đã nêu khái niệm thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực, các hình thức, đặc điểm, các yếu tố bảo đảm; đánh giá thực trạng pháp luật về lĩnh vực đó, phân tích những ưu và nhược điểm của thực hiện pháp luật trong một số lĩnh vực cụ thể và tìm ra nguyên nhân của mặt hạn chế. Một số công trình cũng đã nêu ra các yêu cầu khách quan và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật trong một số lĩnh vực.

Tuy nhiên chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG dưới góc độ chuyên ngành lý luận và lịch sử về nhà nước và pháp luật.

Để đạt được mục tiêu của luận án là nghiên cứu toàn diện, sâu sắc về thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam dưới góc độ chuyên ngành lý luận và lịch sử về nhà nước và pháp luật, luận án kế thừa có chọn lọc các

kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên và tiếp tục làm rõ một số vấn đề:

Về lý luận, luận án tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ:

- Khái niệm và đặc điểm của TPVHNTDG, QSHTT đối với TPVHNTDG. Đây là những khái niệm công cụ để nghiên cứu sinh xây dựng khái niệm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

- Cơ sở lý luận của thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, bao gồm: đặc điểm, hình thức, vai trò, các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; bài học có giá trị tham khảo đối với Việt Nam rút ra từ việc nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG của một số nước trên thế giới.

Về thực tiễn, luận án cần tập trung làm rõ:

- Nghiên cứu, đánh giá ưu điểm và hạn chế của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam theo các hình thức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG và từ đó xác định nguyên nhân của thực trạng đó.

- Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp đồng bộ, toàn diện và khả thi bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam thời gian tới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

2.1. KHÁI NIỆM VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN VÀ KHÁI NIỆM, CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

2.1.1. Khái niệm về tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian và quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

2.1.1.1. Bản chất và đặc điểm của tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Theo quy định của LSHTT: TPVHNTDG là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng

đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá và xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác.

TPVHNTDG có bốn đặc trưng cơ bản: Tính truyền miệng, tính nguyên hợp, tính tập thể và tính dị bản.

2.1.1.2. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

- Đối tượng của quyền tác giả đối với TPVHNTDG bao gồm: các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình mã hoá (Điều 4.3 Luật SHTT).

- Về chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Chủ sở hữu quyền tác giả có tính pháp lý đối với TPVHNTDG thực sự là toàn thể cộng đồng. Nhưng các nghệ nhân và người thực hành TPVHNTDG - thành viên công xã/ cộng đồng, những người có tài năng, hiểu biết rộng rãi và sâu sắc về một lĩnh vực nào đó của VHNTDG - trở thành người đại diện cho cả cộng đồng.

Căn cứ vào Điều lệ của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã được Nhà nước phê chuẩn, Hội đã công nhận những thực thể và cá thể sau đây tham gia chủ sở hữu quyền tác giả đối với TPVHNTDG: Cộng đồng công xã, nghệ nhân dân gian, người thực hành, người sưu tầm, nghiên cứu.

QSHTT đối với TPVHNTDG là quyền của cộng đồng (làng/xã/thôn/buôn bản/phum/sóc/), cá nhân (nghệ nhân, người sưu tầm, nghiên cứu) đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả, tức là quyền của cộng đồng sáng tạo ra TPVHNTDG và quyền liên quan đến quyền tác giả/quyền cộng đồng sáng tạo ra TPVHNTDG.

2.1.2. Khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

2.1.2.1. Khái niệm thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian là tổng thể các quy tắc xử sự chung về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của Nhà nước, được đảm bảo bởi sự cưỡng chế của Nhà nước và được thực hiện thông qua quyền và nghĩa vụ của chủ thể có liên quan.

Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian là hành vi xử sự của chủ sở hữu quyền tác giả (cộng đồng công xã, nghệ nhân dân gian, người thực hành, người sưu tầm, nghiên cứu TPVHNTDG) và của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được tiến hành phù hợp với yêu cầu

của các quy phạm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, đảm bảo để quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền tác giả, của cộng đồng và của Nhà nước được thực hiện nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị tinh thần, nhân văn của TPVHNTDG.

2.1.2.2. Các hình thức thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

- Tuân thủ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Tuân thủ pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là một hình thức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, trong đó chủ thể pháp luật phải thực hiện những hành vi nhất định nhằm thi hành các nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực, không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, tức là không thực hiện hành vi bất hợp pháp.

- Thi hành pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Đây cũng là một hình thức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG chưa nảy sinh quan hệ pháp luật, vì các chủ thể tự mình thực hiện nghĩa vụ của mình bằng hành động tích cực.

- Chấp hành pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Chấp hành pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là một hình thức thực hiện pháp luật mà trong đó các chủ thể thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình với hành động tích cực.

- Sử dụng pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Sử dụng pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG cũng là một trong những hình thức thực hiện pháp luật mà trong đó, các chủ thể pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG sử dụng các quyền năng pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình.

- Áp dụng pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Áp dụng pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là một hình thức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc cán bộ, công chức có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ra các quyết định áp dụng pháp luật làm phát sinh, chấm dứt hay thay đổi những quan hệ pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG cụ thể nào đó.

2.2. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

2.2.1. Đặc điểm của thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian cũng giống như việc thực hiện pháp luật đối với các tác phẩm văn học khác đều phải dựa trên các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, Nhà nước cũng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh hành vi của con người trong lĩnh vực bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG.

Tuy nhiên, thực hiện pháp luật (THPL) về QSHTT đối với TPVHNTDG có một số đặc điểm đặc thù sau đây:

- *Thứ nhất*, thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian mang tính xã hội rộng rãi hơn so với thực hiện pháp luật về QSHTT đối với các TPVHNT khác.

- *Thứ hai*, thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian không những đòi hỏi ý thức pháp luật của xã hội cao mà còn đòi hỏi tính tự giác và tính đạo đức xã hội cao.

- *Thứ ba*, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG còn có những đặc thù do những đặc tính của TPVHNTDG quy định. Đó là tính nguyên hợp, tính tập thể, tính truyền miệng và tính dị bản của TPVHNTDG.

- *Thứ tư*, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG khác với thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNT nói chung còn ở đối tượng bảo hộ. (Bao gồm: Nhóm phong tục, tập quán; Nhóm ngữ văn, lý luận văn học nghệ thuật dân gian; Nhóm nghệ thuật biểu diễn; Nhóm nghệ thuật tạo hình; Nhóm tri thức bản địa).

2.2.2. Vai trò của thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

- *Một là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là hình thức để bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG, làm cho việc bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG trở thành hiện thực.

- *Hai là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG góp phần nâng cao ý thức pháp luật của công dân, đề cao trách nhiệm của tổ chức, của cán bộ, công chức có thẩm quyền trong việc giữ gìn, bảo tồn, bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG; góp phần làm giàu bản sắc dân tộc, làm cho dân tộc hội nhập tốt với thế giới.

- *Ba là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng.

- *Bốn là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG còn góp phần phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc là những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

- *Năm là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG góp phần duy trì và phát huy những giá trị to lớn về giáo dục, nhận thức và thẩm mỹ cho con người.

- *Sáu là*: Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là đảm bảo Điều ước quốc tế về SHTT nói chung, trong đó có Điều ước quốc tế liên quan trực tiếp đến QSHTT đối với TPVHNTDG được tôn trọng và trở thành hiện thực.

2.2.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG được bảo đảm bởi các yếu tố sau: bảo đảm về pháp lý; bảo đảm về ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý; bảo đảm về tổ chức; cơ chế hỗ trợ mang tính xã hội được thiết lập và vận hành một cách hiệu quả; năng lực của các chủ thể và môi trường quốc tế thuận lợi.

2.3. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

2.3.1. Quy định pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian trong các điều ước quốc tế và ở một số nước

Trên thế giới, quyền của những người sáng tạo được công nhận là quyền cá nhân, đó là các quyền độc quyền của tác giả đối với TPVHNT và khoa học.

Theo Công ước Berne, nếu một người là công dân hay cư dân của một nước là thành viên Công ước, hoặc một người đã công bố tác phẩm của mình tại một trong số các nước thành viên của Công ước, thì tác phẩm của người đó sẽ tự động được hưởng sự bảo hộ quyền tác giả theo quy định trong Công ước Berne ở tất cả các nước thành viên còn lại của Công ước này. Ngoài ra, tác phẩm của người đó cũng sẽ được bảo hộ ở các nước thành viên khác giống như các nước đó bảo hộ các tác phẩm của công dân, cộng đồng nước mình.

Pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở các nước Anh, Mỹ, Úc, Nhật bản đều xác định “ khai thác bất hợp pháp” TPVHNTDG được hiểu trong các Quy định mẫu là bất kỳ việc sử dụng nào được thực hiện nhằm mục đích thu lợi, ngoài phạm vi truyền thống hay tập quán và không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền hoặc cộng đồng liên quan tới nó.

Quy định mẫu cũng đã đưa ra bốn trường hợp đặc biệt không cần xin phép, kể cả khi việc khai thác hình thức thể hiện dân gian được thực hiện để lấy tiền và ngoài phạm vi truyền thống hay tập quán. Các trường hợp này gồm có: Sử dụng hoặc khai thác nhằm mục đích giáo dục; Sử dụng “bằng cách minh họa” trong bất kỳ tác phẩm gốc nào của một tác giả; Khi hình thức thể hiện dân gian được “vay mượn” để sáng tạo nên tác phẩm gốc của một tác giả; sử dụng để làm báo cáo về các sự kiện hiện tại và sử dụng các hình ảnh nơi hình thức thể hiện dân gian được đặt cố định tại một địa điểm công cộng.

2.3.2. Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở một số nước trên thế giới

Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở các nước Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Anh, Úc thực chất là bảo hộ TPVHNTDG.

Khi tham gia thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở các nước có nền văn hóa pháp lý tương đồng, họ đều xác định rõ ràng cách thức phải xin phép ở nơi sử dụng. Các quốc gia có thể chỉ định một cơ quan có thẩm quyền hoặc một “cơ quan giám sát” với những chức năng đặc biệt. Chức năng của cơ quan có thẩm quyền là cấp phép cho một số loại hình sử dụng các TPVHNTDG, nhận đơn xin phép sử dụng, giải quyết đơn, và khi đã cấp phép thì cơ quan này có nhiệm vụ ấn định và thu phí khi được yêu cầu. Bất cứ quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền cũng phải chịu sự kháng nghị.

Ở các quốc gia thành viên tham gia Điều ước, các chủ thể khi tham gia thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG có thể bảo vệ được TPVHNTDG ở nước sở tại nhờ vào việc buộc phải tôn trọng bản quyền TPVHNTDG như là những tác phẩm văn chương và nghệ thuật chuyên nghiệp, mà không cần đăng ký hoặc tuân thủ bất cứ thủ tục nào.

2.3.3. Một số bài học kinh nghiệm

Một là: Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về QSHTT, trong đó có chế định về QSHTT đối với TPVHNTDG. Quá trình đó phải được tiến hành song song với việc nội luật hóa các Điều ước quốc tế liên quan đến VHNTDG thành pháp luật của nước mình và tổ chức thực hiện các quy định của Điều ước quốc tế về QSHTT đối với TPVHNTDG một cách linh hoạt, phù hợp điều kiện của quốc gia.

Hai là: Thiết lập cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách về QSHTT đối với TPVHNTDG và phân định rõ ràng chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc bảo vệ QSHTT đối với TPVHNTDG.

Ba là: Xây dựng hệ thống tổ chức xã hội quản lý tập thể về QSHTT nói chung và QSHTT đối với TPVHNTDG.

Bốn là: Tăng cường hợp tác quốc tế về bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG.

Năm là: Tôn trọng giá trị văn hóa của các dân tộc ít người cũng là một bài học quý giá trong THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1.1. Những ưu điểm của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay

Một là: Nguyên tắc hiến định về bảo hộ QSHTT nói chung và QSHTT đối với các TPVHNTDG đã được xác định ngày càng rõ hơn

Hiến pháp hiện hành đã khẳng định một cách rất rõ ràng sự tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ QSHTT đối với TPVHNT nói chung và TPVHNTDG nói riêng. Theo đó, tất cả mọi người (công dân Việt Nam và người nước ngoài) có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, dân tộc, có quyền sáng tạo TPVHNTDG và được thụ hưởng các lợi ích vật chất và tinh thần từ các hoạt động sáng tạo đó. Đây là bước phát triển thể hiện sự tiến bộ vượt bậc của các nguyên tắc Hiến pháp Việt Nam về QSHTT đối với TPVHNTDG. Những nguyên tắc này chính là nền tảng pháp lý vững chắc cho việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định liên quan đến QSHTT đối với TPVHNTDG một cách rõ ràng, thống nhất và toàn diện.

Hai là: Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về QSHTT, quyền tác giả (trong đó có các quy định về QSHTT đối với TPVHNTDG) được xây dựng, sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện

Năm 1986 Chính phủ đã ban hành Nghị định 142/CP - văn bản riêng biệt đầu tiên để điều chỉnh các quan hệ xã hội về quyền tác giả.

Tiếp đó, năm 2005, Quốc hội ban hành Luật Sở hữu trí tuệ. Phần thứ năm của luật này quy định về bảo vệ QSHTT, quyền tác giả và quyền liên quan. Các nội dung về quyền tác giả bao gồm: điều kiện bảo hộ quyền tác giả; quyền liên quan; nội dung, giới hạn quyền, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan; chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; tổ chức đại diện, tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

Năm 2009, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010).

Đồng thời, Việt Nam cũng đã ký kết một số hiệp định song phương liên quan đến bảo hộ quyền tác giả và trở thành thành viên của một số Công ước quốc tế về quyền tác giả và quyền liên quan (Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Công ước quốc tế Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng; Công ước Genève về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép trái phép bản ghi âm của họ; Công ước Bruxelles liên quan tới việc phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh...). Việc ký kết các Công ước đó đã góp phần hết sức quan trọng đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Ba là: Một số nội dung cụ thể liên quan trực tiếp đến QSHTT đối với TPVHNTDG đã được quy định chi tiết, rõ ràng, bước đầu bảo đảm tính minh bạch, tính phù hợp và tính khả thi của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG

- Về đối tượng của QSHTT đối với TPVHNTDG:

Điều 14 và Điều 23 Luật SHTT năm 2005 đã có quy định về đối tượng và các hình thức thể hiện TPVHNTDG được bảo hộ. Theo đó, có 4 nhóm đối tượng cơ bản, nói cách khác là 4 loại của “hình thức” thể hiện TPVHNTDG.

- Về việc sử dụng TPVHNTDG:

Pháp luật hiện hành về QSHTT đối với TPVHNTDG đã quy định về việc sử dụng TPVHNTDG; mục đích của việc sử dụng là vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận; tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài thành viên của cộng đồng nơi tác phẩm đó được hình thành sử dụng và việc sử dụng có ra ngoài khuôn khổ truyền thống và phong tục hay không...

- Luật SHTT cũng quy định khá cụ thể về các trường hợp sử dụng TPVHNTDG không phải trả tiền và xác định các trường hợp còn lại sẽ phải trả tiền.

- Luật SHTT còn quy định các hành vi được xem là sao chép bất hợp pháp, khai thác lợi ích kinh tế bất hợp pháp và xâm hại giá trị đích thực của TPVHNTDG trong môi trường kỹ thuật số.

- Về vấn đề cấp phép TPVHNTDG: pháp luật quy định việc cấp phép, chỉ định cơ quan có thẩm quyền hoặc do cộng đồng có liên quan thực hiện việc thụ lý hồ sơ, xem xét cấp phép bản quyền.

Bốn là: Pháp luật Việt Nam đã khẳng định ngày càng sâu sắc tinh thần tôn trọng và quyết tâm xây dựng, bảo vệ, duy trì các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đây là chính sách hết sức đúng đắn và có ý nghĩa cực kỳ

quan trọng của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá nghệ thuật nói chung và VHNTDG nói riêng.

Đặc biệt, gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định 62/ CP về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Nghị định này sẽ có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

3.1.2. Một số bất cập, hạn chế trong pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Một là: Còn một số mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG

Luật SHTT hiện hành có một số điểm mâu thuẫn giữa các điều (Điều 14, Điều 23 và Điều 41) khi đề cập việc bảo hộ TPVHNTDG.

Trong phần nói về chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan, Luật SHTT không đề cập đến cộng đồng, nghệ nhân, người sưu tầm là những chủ sở hữu quyền tác giả.

Hai là: Một số quy định của Luật SHTT chưa bảo đảm tính nhất quán

Sự thiếu nhất quán này thể hiện ở Điểm 2, Điều 23 và điểm a Điều 27 về đối tượng được bảo hộ quyền nhân thân và quyền tài sản. Điều 23, điểm 2 Luật SHTT quy định: Tổ chức, cá nhân khi sử dụng TPVHNTDG phải dẫn xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và bảo đảm giữ gìn giá trị đích thực của TPVHNTDG.

Trong khi đó tại điểm a, Điều 27 thì TPVHNTDG lại là đối tượng được bảo hộ đầy đủ quyền nhân thân và quyền tài sản, việc bảo hộ đó là suốt đời.

Ba là: Nhiều quy định hiện hành chưa đủ mức cụ thể, rõ ràng để bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG một cách hiệu quả

Hàng loạt các vấn đề chưa được xác định rõ ràng như: cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo hộ đối với các TPVHNTDG? Các TPVHNTDG này được bảo hộ dưới khía cạnh gì? Việc bảo hộ được thực hiện theo cơ chế nào? Các loại hình TPVHNTDG nào sẽ được bảo hộ quyền tác giả? Vấn đề thu tiền và trả tiền phí bản quyền; Việc bảo hộ quyền tài sản của chủ sở hữu QSHTT.

Bốn là: Còn nhiều vấn đề liên quan đến QSHTT đối với TPVHNTDG chưa được quy định

Trong các VBQPPL về QSHTT đối với TPVHNTDG còn thiếu một số quy định về người lưu giữ TPVHNTDG, về mối quan hệ giữa tác giả gốc và tác giả phái sinh... Luật SHTT năm 2005 không đề cập đến cộng đồng, nghệ nhân, người sưu tầm là những chủ sở hữu quyền tác giả, chỉ đề cập đến các chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan khác.

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Những ưu điểm trong thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thứ nhất: Việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG bằng hành động tích cực của các chủ thể đã ngày càng có ý thức tự giác và chủ động hơn

Nhiều cơ quan, tổ chức đã chủ động thi hành pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG thông qua các hoạt động thống kê, nghiên cứu, sưu tầm, công bố các hình thức TPVHNTDG.

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành hữu quan, các tỉnh xây dựng đề án trình UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại như: Nhã nhạc cung đình Huế; Cồng chiêng Tây Nguyên; Hát Xoan, Hát Quan họ, Ca Trù, Lễ giỗ tổ Hùng Vương; Đờn ca tài tử Nam Bộ.

Theo Báo cáo thực hiện dự án “Công bố, phổ biến tài sản văn hóa dân gian các dân tộc Việt Nam” giai đoạn 2008 -2013 của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam: có gần 2.000 công trình VHNTDG của 446 tác giả về VHNTDG các dân tộc đã được công bố và bảo tồn.

Thứ hai: Việc áp dụng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước đã được triển khai ngày càng tích cực, chủ động, phù hợp với chức năng, thẩm quyền của cơ quan. Thông qua đó tạo lập những bảo đảm về tổ chức và cơ chế cụ thể cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG được thuận lợi, dễ dàng hơn

Ngày 19/01/2006, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Bộ Công an (sau đó có bổ sung Bộ Bru chính Viễn thông) đã ký kết Chương trình Hành động số 168/CTHĐ/VHTT-KHCN-NN&PTNT-TC-TM-CA về hợp tác phòng và chống xâm phạm QSHTT giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là Chương trình Hành động 168). Đồng thời, các cơ quan trên đã hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là UBND cấp tỉnh) triển khai thực hiện ở các địa phương. Sự phối hợp hành động giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở các ngành, ở các địa phương rất chặt

chê như vậy đã góp phần nâng cao hiệu quả và hữu ích cho hoạt động THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Theo Báo cáo chính và các tham luận tại Hội nghị toàn quốc về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức và phối hợp tổ chức 11 hội nghị, hội thảo, tập huấn cho các cán bộ làm nhiệm vụ quản lý, thực thi trong ngành văn hoá, thông tin, ngành hải quan, các tổ chức phát sóng, doanh nghiệp sản xuất chương trình máy tính, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan.

Theo Báo cáo tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Hội văn nghệ dân gian Việt Nam: đã có 33 tỉnh, thành phố đã tổ chức 74 lớp, hội nghị tập huấn với 6.889 lượt cán bộ và các tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương.

Thứ ba: Các cơ quan nhà nước và tổ chức có thẩm quyền đã bước đầu có kế hoạch chủ động, tích cực tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về QSHTT nói chung và QSHTT đối với TPVHNTDG nói riêng

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có gần 1000 tin, bài tuyên truyền, phổ biến về lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan (hầu hết các đài truyền hình Trung ương và địa phương đều có tin, bài, chương trình về lĩnh vực này).

Nhiều địa phương như: Bắc Kạn, Bình Định, Bình Thuận, Bến Tre, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Nam Định, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Ngãi, Sơn La, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Yên Bái cũng thực hiện tốt việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về QSHTT và QSHTT đối với TPVHNTDG cho các tổ chức và cá nhân.

Thứ tư: Việc thành lập và vận hành các tổ chức xã hội chuyên trách về lĩnh vực VHNTDG đã giúp cho hoạt động THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG được triển khai rộng khắp hơn, thường xuyên và đạt hiệu quả cao hơn

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp cũng được ra đời với 73 chi hội hoạt động ở Trung ương và các địa phương. Đội ngũ các chuyên gia về VHNTDG được hình thành đông đảo ở hầu hết các lĩnh vực từ âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc đến múa và lễ hội v.v...

Đồng thời, tất cả các địa phương trong cả nước đã rất quan tâm tới việc xây dựng các thiết chế văn hoá phù hợp với địa phương mình. Các thiết chế văn hóa đã từng bước được hình thành nhằm sưu tầm, khôi phục để bảo tồn và phát huy các giá trị VHNTDG của các cộng đồng dân tộc.

3.2.2. Những hạn chế, bất cập trong thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thứ nhất: Việc tuân thủ pháp luật, tự kiểm chế không vi phạm những điều cấm của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG chưa cao, nên còn nhiều chủ thể vi phạm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG

Trên thực tế, vi phạm liên quan đến khai thác, sử dụng sai hoặc sửa chữa, cắt xén TPVHNTDG diễn ra khá phổ biến. Các hoạt động nhằm “chỉnh lý, cải biên, nâng cao” vốn VHNTDG của các nhà nghiên cứu lâu nay cũng thường gặp nhiều sai sót, có khi gây phản cảm cho chính cộng đồng dân cư đang sở hữu loại hình VHNTDG ấy.

Thứ hai: Một số cơ quan, tổ chức chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý của mình trong quá trình THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG dẫn đến TPVHNTDG ở nhiều địa phương bị sử dụng sai mục đích, làm hạn chế giá trị của TPVHNTDG

Theo quy định của pháp luật, khi trùng tu các di tích danh lam thắng cảnh được Nhà nước quy định, các cơ quan, tổ chức không được làm khác với nguyên bản văn hóa vật thể; TPVHNTDG, văn hóa phi vật thể tồn tại gắn với di tích thì phải được bảo tồn nguyên giá trị. Nhưng nhiều khi người ta tự do xâm phạm “với một thiện ý rất hồn nhiên rằng họ đang “nâng cao, làm giàu TPVHNTDG”.

Thứ ba: Việc thi hành pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG liên quan đến đăng ký, sử dụng TPVHNT của nhiều chủ thể chưa nghiêm túc, tình trạng vi phạm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG còn diễn ra khá phổ biến

Thứ tư: Đa số các loại chủ thể chưa chủ động thi hành pháp luật, thiếu tự giác, chưa tích cực sử dụng pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG

Người dân, cộng đồng sáng tạo TPVHNTDG không quan tâm đến việc ai là chủ sở hữu của TPVHNTDG. Đa số họ không biết mình chính là chủ nhân, chủ SHTT đối với TPVHNTDG mà họ đã sáng tạo ra. TPVHNTDG tiếp tục được coi là thuộc sở hữu công cộng. Do đó họ chưa cần sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền tài sản, cũng như quyền tinh thần mà pháp luật quy định. Thậm chí khi sử dụng TPVHNTDG họ không cần dẫn chiếu xuất xứ tác phẩm.

3.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thứ nhất: Cơ cấu tổ chức bảo đảm thực thi pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG chưa thực sự phù hợp

Hiện nay, ở Việt Nam tuy có nhiều cơ quan (mỗi cơ quan lại có nhiều cấp: tỉnh, huyện) có chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước về QSHTT đối với

TPVHNTDG, nhưng năng lực chuyên môn của chính hệ thống này lại chưa đáp ứng với đòi hỏi của thực tế.

Thứ hai: Cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật chưa được hoàn thiện và chưa phát huy đúng mức

Thứ ba: Sự hiểu biết của toàn xã hội đối với pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG còn hạn chế, chưa hình thành tập quán tôn trọng QSHTT

Thứ tư: Công tác xã hội hóa việc bảo vệ QSHTT đối với TPVHNTDG còn chậm

Thứ năm: Các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1.1. Năm vững quan điểm đường lối của Đảng về văn hóa nghệ thuật nói chung, văn học nghệ thuật dân gian nói riêng, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật, trong đó có nhấn mạnh đến VHNTDG: “Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài”. “Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số”.

Đặc biệt, Bộ Chính trị yêu cầu phải củng cố, đổi mới hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương, các địa phương và tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hoá, văn nghệ truyền thống của dân tộc.

Gần đây, Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Một trong các nhiệm vụ mà Nghị quyết 9 Khóa XI đề ra là: Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Trong số các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ về VHNT, Bộ Chính trị nhấn mạnh một số giải pháp liên quan đến QSHTT đối với TPVHNTDG: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Định hướng về văn hóa nghệ thuật nói chung và VHNTDG nói riêng nêu trên cần được các cơ quan có thẩm quyền thể chế thành pháp luật, bảo đảm cho đường lối, quan điểm của Đảng trở thành hiện thực thông qua việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Đồng thời, ngay trong quá trình thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG cũng phải quán triệt sâu sắc các quan điểm, đường lối của Đảng để tổ chức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG một cách có hiệu quả nhất, tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc: *“Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”* mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ năm 2011 đã đề ra.

4.1.2. Tăng cường tính pháp quyền trong thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Tính pháp quyền trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG đòi hỏi các chủ thể trước hết tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp và luật. Đồng thời, các nguyên tắc, quy định Hiến pháp và luật phải được kịp thời cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật để tổ chức thực hiện. Trong hệ thống các quy định pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, quy định của Hiến pháp có hiệu lực pháp lý cao nhất. Tất cả các quy định trái với Hiến pháp cần phải được coi là vô hiệu và không có hiệu lực thực thi.

4.1.3. Nâng cao trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Trách nhiệm của Nhà nước là phải thiết kế các cơ quan quản lý nhà nước về VHNTDG sao cho cơ cấu gọn nhẹ, khoa học, tương thích với chức năng, nhiệm vụ

vụ; Hoạt động của các cơ quan đó phải theo một cơ chế rõ ràng, minh bạch, nhịp nhàng, trôi chảy; có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, tránh chồng chéo, lẫn lộn hoặc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm lẫn nhau giữa các cơ quan.

Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, có trách nhiệm lưu giữ, bảo vệ quyền lợi chính đáng về QSHTT và các quyền liên quan cho cộng đồng, cho các nghệ nhân, người sưu tầm TPVHNTDG.

4.1.4. Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian phải được tiến hành toàn diện, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp điều kiện cụ thể của đất nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải được triển khai một cách toàn diện, gắn bó chặt chẽ với quá trình điều chỉnh pháp luật, phù hợp điều kiện cụ thể của đất nước. Muốn vậy, quá trình đó phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất: Công tác tuyên truyền pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG phải được tăng cường thường xuyên, rộng rãi, thông qua những hình thức, phương pháp để truyền tải những nội dung cơ bản nhất của pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Thứ hai: Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG phải được tiến hành một cách chặt chẽ, thường xuyên.

Thứ ba: Bảo đảm xã hội hoá ngày càng nhiều hơn các công việc liên quan đến bảo trợ, quản lý việc sử dụng, truyền bá các TPVHNTDG nhằm giảm gánh nặng cho các cơ quan nhà nước, đồng thời, phát huy tính chủ động, sáng tạo và sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, cộng đồng và cá nhân trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Thứ tư: Bảo đảm QSHTT đối với TPVHNTDG được bảo hộ toàn diện cả quyền về vật chất và tinh thần.

Thứ năm: Bảo đảm sự chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với VHNTDG, tiến tới sự tương thích với pháp luật quốc tế về quyền tác giả nói chung và QSHTT đối với TPVHNTDG nói riêng.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.2.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian, nội luật hóa kịp thời các Điều ước quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian mà Nhà nước Việt Nam là thành viên

Thứ nhất: Sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ, bổ sung các quy phạm pháp luật liên quan đến về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thứ hai: Quy định các loại hình tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian cần bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xác định phạm vi bảo hộ QSHTT của từng loại hình TPVHNTDG

Thứ ba: Quy định các hình thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

4.2.2. Kiện toàn tổ chức, cơ chế phối hợp và tăng cường năng lực của các cơ quan bảo đảm thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Thực hiện giải pháp này, cần tiến hành các biện pháp cụ thể sau:

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong hệ thống các cơ quan bảo đảm THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại cho hệ thống các cơ quan bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

- Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm QSHTT đối với TPVHNTDG.

4.2.3. Nhà nước uỷ quyền cho Hội Văn nghệ Dân gian giữ chức năng đại diện quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam và đổi mới tổ chức và hoạt động của tổ chức này

Việc đại diện QSHTT đối với TPVHNTDG Nhà nước nên uỷ quyền cho Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam làm đầu mối. Hội với tư cách là cơ quan chuyên môn, là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, có trách nhiệm lưu giữ, bảo vệ quyền lợi chính đáng về QSHTT và các quyền liên quan cho cộng đồng, cho các nghệ nhân, người sưu tầm theo Luật SHTT hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.

Cần quy định trao cho Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tư cách là tổ chức bảo trợ. Tổ chức này có nhiệm vụ quản lý tiền nhuận bút thu được từ việc cho phép sử dụng TPVHNTDG để lập quỹ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa từ TPVHNTDG. Bộ Tài chính quy định về việc quản lý và sử dụng quỹ bảo tồn và phát huy các giá trị các TPVHNTDG do Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam quản lý được thu từ bản quyền tác giả TPVHNTDG và được hạch toán theo quy định của pháp luật.

Để có thể thu được tiền cho cộng đồng sáng tạo TPVHNTDG, theo tác giả, nên có một Trung tâm bảo trợ QSHTT đối với TPVHNTDG, gọi tắt là Trung tâm bản quyền TPVHNTDG. Trung tâm trực thuộc Hội Văn nghệ dân gian sẽ do Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả văn học nghệ thuật thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép thành lập.

4.2.4. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian; thống nhất nhận thức về tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian nhằm bảo tồn và phát huy vai trò của văn học nghệ thuật dân gian trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phải bảo đảm mọi người hiểu rằng Luật SHTT có quy định về QSHTT đối với TPVHNTDG là để bảo tồn, phát huy, kế thừa và phát triển nền VHNT dân tộc. Và do vậy, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG là sự khẳng định quyết tâm của Nhà nước Việt Nam bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực quyền tác giả/quyền cộng đồng sáng tạo TPVHNTDG, chống lại bất cứ hành vi vi phạm bản quyền tác giả đối với TPVHNTDG.

4.2.5. Tiếp tục xã hội hóa, củng cố và nâng cao vai trò của các Hội về quyền sở hữu trí tuệ, các Hội văn học nghệ thuật dân gian... trong việc thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian

Cần mở rộng đội ngũ những người tham gia hoạt động bảo vệ QSHTT đối với TPVHNTDG. Nhanh chóng tổ chức các hình thức bồi dưỡng kiến thức về QSHTT nói chung, QSHTT đối với TPVHNTDG nói riêng trước hết cho đội ngũ luật sư, các chủ sở hữu và những người có liên quan.

Tiếp tục hình thành hệ thống tổ chức xã hội thông tin về SHTT nói chung, SHTT đối với TPVHNTDG nói riêng với mục tiêu nâng cao năng lực tài nguyên thông tin và năng lực vận hành của cả hệ thống. Mở rộng diện những người dùng tin, tạo sự gần gũi, hấp dẫn đối với toàn xã hội, thành lập các Trung tâm bảo vệ bản quyền cho các loại hình TPVHNTDG.

KẾT LUẬN

Thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian là hành vi xử sự của chủ sở hữu quyền tác giả (cộng đồng công xã, nghệ nhân dân gian, người thực hành, người sưu tầm, nghiên cứu TPVHNTDG) và của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được tiến hành phù hợp với yêu cầu của các quy phạm pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, đảm bảo để quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền tác giả, của cộng đồng và của Nhà nước được thực hiện, nhằm bảo hộ và phát huy các giá trị tinh thần, nhân văn của TPVHNTDG.

Giống như thực hiện pháp luật về QSHTT nói chung, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG cũng được tiến hành dưới bốn hình thức là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG mang những đặc điểm: tính xã hội rộng rãi hơn so với thực hiện pháp luật về QSHTT đối với các TPVHNT khác; đòi hỏi ý thức pháp luật của xã hội cao, tính tự giác và tính đạo đức xã hội cao. Bên cạnh đó, thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG có một số điểm đặc thù do tính nguyên hợp, tính tập thể, tính truyền miệng và tính dị bản của loại hình VHNT này.

Luận án cũng đã phân tích các điều kiện bảo đảm THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG, bao gồm: bảo đảm về pháp lý; bảo đảm về ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý; bảo đảm về tổ chức; cơ chế hỗ trợ mang tính xã hội được thiết lập và vận hành một cách hiệu quả; năng lực của các chủ thể và môi trường quốc tế thuận lợi.

Từ nghiên cứu kinh nghiệm THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG, có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam như sau: 1/ Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về QSHTT, trong đó có chế định về QSHTT đối với TPVHNTDG. Quá trình đó phải được tiến hành song song với việc nội luật hóa các Điều ước quốc tế liên quan đến VHNTDG thành pháp luật của nước mình và tổ chức thực hiện các quy định của Điều ước quốc tế về QSHTT đối với TPVHNTDG một cách linh hoạt phù hợp điều kiện của quốc gia; 2/ Thiết lập hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về VHNTDG và phân định rõ ràng chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan đó; 3/ Xây dựng hệ thống tổ chức xã hội quản lý tập thể về QSHTT nói chung và QSHTT đối với TPVHNTDG; 4/ Tăng cường hợp tác quốc tế về bảo hộ QSHTT đối với TPVHNTDG; và 5/ Tôn trọng

giá trị văn hóa của các dân tộc ít người cũng là một bài học quý giá trong THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Luận văn đã phân tích chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay.

Về phương diện thực tiễn, luận án đã phân tích làm rõ những thành tựu và hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian.

Luận án đã đưa ra 6 quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG ở Việt Nam hiện nay: 1/Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng về văn học nghệ thuật nói chung, VHNTDG nói riêng, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về QSHTT đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian; 2/Tăng cường tính pháp quyền trong thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; 3/Nâng cao trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; 4/ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; 5/Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong tổ chức thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG; 6/ Chủ động hội nhập quốc tế trong việc thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG.

Trên cơ sở các quan điểm nêu trên, luận án đề xuất năm nhóm giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG bao gồm: 1/Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về QSHTT đối với TPVHNTDG, nội luật hóa kịp thời các Điều ước quốc tế về QSHTT đối với TPVHNTDG mà Nhà nước Việt Nam là thành viên; 2/ Kiện toàn tổ chức, cơ chế phối hợp và tăng cường năng lực của các cơ quan bảo đảm THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG; 3/ Ủy quyền cho Hội Văn nghệ Dân gian giữ chức năng đại diện quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam và đổi mới tổ chức và hoạt động của tổ chức này; thành lập Trung tâm bảo trợ QSHTT đối với TPVHNTDG; 4/Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian; Thống nhất nhận thức về tầm quan trọng của THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG nhằm bảo tồn và phát huy vai trò của văn học nghệ thuật dân gian trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 5/Tiếp tục xã hội hóa, củng cố và nâng cao vai trò của các Hội về QSHTT, các Hội văn học nghệ thuật dân gian... trong việc THPL về QSHTT đối với TPVHNTDG.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đoàn Thanh Nô (5-2009), “Tìm hiểu về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 10.
2. Đoàn Thanh Nô (8-2010), “Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 16.
3. Đoàn Thanh Nô (2010), *Hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm Văn học Nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.